TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 4 - 2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Lắm.

Ông Hồ Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2017/TLST - HNGĐ, ngày 15/11/2017 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Quốc C, sinh năm 1992 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 15/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Quốc C kết hôn do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, anh C đánh chị, đến tháng 11/2016 thì sống ly thân, thời gian ly thân không có hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xin ly hôn với anh C. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Quốc C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Thị T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Quốc C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Thị T và anh Nguyễn Văn Quốc C, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/6/2014. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị T trình bày thì vợ chồng sống hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau và anh C đánh chị nên chị xin ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị T và anh C chỉ tồn tại trong thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, thời gian sống ly thân anh chị cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh C đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với chị T, mục đích để anh chị hàn gắn nhưng anh C không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh C có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng chị T, anh C là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không có, đối với anh C trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị có con chung, tài sản chung và nợ chung không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị T.

Chị Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Quốc C.

[2] Về nuôi con chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí ly hôn chị Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã P, Huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, quyển số xx, ngày 24/6/2014) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện